

**CÔNG TY TNHH VIET GEMS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH VIET GEMS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIET GEMS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: VIET GEMS

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110638469

**3. Ngày thành lập:** 05/03/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

No4-LK16 dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987971238

Fax:

Email: vietgemsvn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>( Trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4610     |
| 2.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết: Bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức;                                                                                                                                                                                                                                         | 4649     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng<br>Bán buôn máy móc, thiết bị chế tác kim loại quý, đá quý                                                                                                                                                              | 4659     |
| 4.  | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết: Bán buôn vàng và kim loại quý khác, đá quý, đá bán quý (Trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                              | 4662     |
| 5.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn hoá chất công nghiệp như: Anilin, mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu, soda, muối công nghiệp, axit và lưu huỳnh...;<br>- Bán buôn sản phẩm nông hóa;<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh; | 4669     |
| 6.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(Trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 8230     |
| 7.  | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Dạy nghề<br>- Các khoá dạy về phê bình, đánh giá chuyên môn;                                                                                                                                                                                                                                        | 8559     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |             |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 8.  | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(Loại trừ hoạt động của những nhà báo độc lập)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 9000        |
| 9.  | Kiểm tra và phân tích kỹ thuật<br>(Trừ phòng thí nghiệm của cảnh sát)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 7120        |
| 10. | Quảng cáo<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7310        |
| 11. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(Trừ loại nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 7320        |
| 12. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động thiết kế trang sức, đá quý                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 7410(Chính) |
| 13. | Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động chuyển giao công nghệ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 7490        |
| 14. | Sản xuất kim loại quý và kim loại màu<br>(Trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 2420        |
| 15. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 2592        |
| 16. | Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 2670        |
| 17. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Trừ hoạt động của kho ngoại quan)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 5210        |
| 18. | Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan<br>Chi tiết: - Sản xuất đá quý và đá bán quý, bao gồm đá công nghiệp và đá quý hoặc bán quý tái phục hồi hoặc nhân tạo;<br>- Chế tác đá quý<br>- Sản xuất đồ trang sức bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý hoặc đá quý hoặc đá nửa quý, hoặc kim loại quý tổng hợp và đá quý hoặc đá nửa quý hoặc các kim loại khác;<br>- Sản xuất các chi tiết vàng bạc bằng kim loại quý hoặc kim loại cơ bản mạ kim loại quý như: Đồ ăn như dao, đĩa, thìa bát đĩa..., ấm chén, các chi tiết vệ sinh, các chi tiết trong văn phòng, các chi tiết sử dụng trong tôn giáo...<br>- Sản xuất các chi tiết kỹ thuật hoặc thí nghiệm bằng kim loại quý (trừ dụng cụ hoặc các phần tương tự): nồi nấu kim loại, bàn xẻng, thử cực dương của kim loại...<br>Chạm khắc sản phẩm kim loại quý hoặc không quý của cá nhân.<br>(Trừ vàng miếng) | 3211        |
| 19. | Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3212        |
| 20. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742        |
| 21. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, kim loại quý, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức. (Trừ vàng miếng)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4773        |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

## 7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: PHAN THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 02/02/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085005025

Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TT HV Quân Y, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: No4-LK16 dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: PHAN THÀNH TRUNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 02/02/1985 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001085005025

Ngày cấp: 29/04/2021 Nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: TT HV Quân Y, Phường Phúc La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: No4-LK16 dịch vụ Hà Trì, Phường Hà Cầu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội